

THU THẬP CHỨNG CỨ CỦA TÒA ÁN TRONG VỤ ÁN DÂN SỰ VÀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA

● NGUYỄN THỊ THU THỦY

TÓM TẮT:

Hoạt động thu thập chứng cứ của tòa án trong các vụ án dân sự được ghi nhận trong cả Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và Luật Tổ chức tòa án năm 2014, sửa đổi, bổ sung năm 2024. Bài viết phân tích thực tiễn áp dụng pháp luật về thu thập chứng cứ của tòa án trong các vụ án dân sự, từ đó đề xuất các kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật về vấn đề này.

Từ khóa: tố tụng dân sự, giải quyết tranh chấp, thu thập chứng cứ, tòa án nhân dân.

1. Khái niệm thu thập chứng cứ của tòa án trong vụ án dân sự

Thu thập chứng cứ là một bộ phận của quá trình tố tụng nói chung và tố tụng dân sự nói riêng. “Thu thập” theo Từ điển tiếng Việt là “góp nhặt và tập hợp lại”¹. Theo nghĩa thông thường, chứng cứ là “những cái cụ thể như lời nói, việc làm, vật làm chứng, tài liệu tỏ rõ điều gì đó có thật”². Trong pháp luật TTDS bang Quebec (Canada), khái niệm chứng cứ trong tố tụng có nghĩa là chỉ tổng hợp các tài liệu, dữ kiện cho phép thẩm phán ra một phán quyết hoặc cách hiểu thứ hai, chứng cứ chỉ các phương tiện chứng minh mà pháp luật cho phép nhằm xác định sự thật của một sự kiện có tranh chấp.

Theo Điều 401 Luật Chứng cứ liên bang Mỹ: Chứng cứ là những gì mà hàm chứa trong nó sự tồn tại của bất cứ một sự thực nào mà bản thân sự hàm chứa đó có ảnh hưởng tới việc xác định được một hành động hơn hoặc kém hơn.

Điều 93 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định: “Chứng cứ trong vụ việc dân sự là những gì có thật được đương sự và cơ quan, tổ chức, cá nhân

khác giao nộp, xuất trình cho Tòa án trong quá trình tố tụng hoặc do Tòa án thu thập được theo trình tự, thủ tục do Bộ luật này quy định và được Tòa án sử dụng làm căn cứ để xác định các tình tiết khách quan của vụ án cũng như xác định yêu cầu hay sự phản đối của đương sự là có căn cứ và hợp pháp”.

Như vậy, thu thập chứng cứ trong tố tụng dân sự có thể hiểu là việc góp nhặt và tập hợp lại các tài liệu, dữ liệu làm cơ sở để xác định các tình tiết khách quan của vụ án dân sự cũng như xác định yêu cầu hay sự phản đối của đương sự có căn cứ và hợp pháp hay không.

Thu thập chứng cứ có thể được thực hiện bởi các đương sự hoặc tòa án. Mặc dù về bản chất, việc thu thập chứng cứ nhằm tập hợp lại các tài liệu, dữ liệu làm cơ sở cho việc giải quyết vụ án dân sự nhưng khi được thực hiện bởi các chủ thể khác nhau sẽ có những đặc điểm riêng. Các đương sự thực hiện việc thu thập chứng cứ với mục đích chứng minh cho các yêu cầu hoặc phản đối của mình là có căn cứ và hợp pháp.

Hoạt động thu thập chứng cứ của tòa án chỉ được thực hiện trong những điều kiện, hoàn cảnh

nhất định. Điều này xuất phát từ bản chất của tranh chấp dân sự là những mâu thuẫn giữa các chủ thể của quan hệ pháp luật dân sự với nguyên tắc về quyền tự định đoạt của các bên. Các bên tranh chấp có quyền tự định đoạt đối với việc xác định quyền và lợi ích hợp pháp mà mình muốn bảo vệ, do đó, họ là chủ thể có nghĩa vụ thu thập và cung cấp chứng cứ cho tòa án để làm cơ sở cho các quyền và lợi ích hợp pháp ấy. Những quyền và lợi ích đó là động lực để họ thực hiện hoạt động thu thập và cung cấp chứng cứ một cách tích cực nhất, họ đồng thời cũng là những người hiểu biết nhất về vấn đề tranh chấp và các chứng cứ có thể có để bảo vệ cho mình. Tuy nhiên, trong nhiều trường hợp, các bên không phải lúc nào cũng có thể thu thập được các chứng cứ cần thiết, ví dụ khi người lao động cần bằng chứng của doanh nghiệp trong các vụ án về tranh chấp lao động, hoặc hồ sơ quản lý của các cơ quan nhà nước, chứng cứ đang do bên kia hoặc bên thứ ba nắm giữ, quản lý... mà việc thiếu các chứng cứ đó sẽ ảnh hưởng đến việc giải quyết tranh chấp dân sự đúng đắn. Ngoài ra, do đương sự chỉ tìm kiếm, cung cấp các chứng cứ có lợi cho mình nên nhiều trường hợp, các bên sẽ không thu thập và cung cấp các chứng cứ gây bất lợi cho mình. Ví dụ trong một số vụ án liên quan đến thế chấp tài sản là bất động sản cần định giá lại để đảm bảo phù hợp với sự biến động của thị trường nhưng các bên đều không có yêu cầu tòa án định giá lại tài sản mà để đảm bảo có đầy đủ cơ sở cho việc giải quyết vụ án thì tòa án phải chủ động thu thập chứng cứ. Trong các hoàn cảnh đó, trách nhiệm thu thập chứng cứ của tòa án được đặt ra.

2. Pháp luật về thu thập chứng cứ của tòa án trong các vụ án dân sự và kiến nghị sửa đổi Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

Khoản 3 Điều 48 và khoản 3 Điều 198 BLTTDS quy định thẩm phán có nhiệm vụ tiến hành thu thập, xác minh chứng cứ bên cạnh nghĩa vụ cung cấp tài liệu, chứng cứ của đương sự. Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014 quy định tòa án xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ để giải quyết vụ việc dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh,

thương mại, lao động (khoản 4 Điều 2). Pháp luật về thu thập chứng cứ của tòa án trong các vụ án dân sự quy định hình thức, nội dung và điều kiện thực hiện việc thu thập chứng cứ của tòa án, theo đó, tòa án tiến hành các biện pháp thu thập tài liệu, chứng cứ trong trường hợp đương sự có yêu cầu hoặc tự quyết định nhằm đảm bảo thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ cho việc giải quyết vụ án.

Thứ nhất, Tòa án thu thập chứng cứ theo yêu cầu của đương sự. Trường hợp đương sự đã áp dụng các biện pháp cần thiết để thu thập tài liệu, chứng cứ mà vẫn không thể tự mình thu thập được thì có thể đề nghị tòa án thu thập chứng cứ. Các biện pháp thu thập chứng cứ cụ thể mà đương sự có quyền yêu cầu tòa án thu thập bao gồm: lấy lời khai của đương sự, lấy lời khai của người làm chứng, đối chất, xem xét thẩm định tại chỗ, trưng cầu giám định, định giá tài sản, yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp tài liệu, chứng cứ, xác minh sự có mặt hoặc vắng mặt của đương sự tại nơi cư trú (khoản 2 Điều 97). Các bên yêu cầu tòa án thu thập tài liệu, chứng cứ phải đưa ra căn cứ chứng minh như văn bản từ chối cung cấp tài liệu, chứng cứ hoặc các căn cứ khác cho thấy đương sự không thể tự mình thu thập tài liệu, chứng cứ đó. Đối với biện pháp trưng cầu giám định và định giá tài sản thì các bên chỉ cần có yêu cầu tòa án thực hiện.

Thứ hai, tòa án thấy cần thiết phải thu thập chứng cứ nhằm đảm bảo cho việc giải quyết vụ án. Đây là trường hợp mặc dù không có yêu cầu từ phía các đương sự nhưng do yêu cầu của việc giải quyết đúng đắn vụ án, tòa án nhận thấy cần thiết phải bổ sung chứng cứ thì sẽ chủ động thu thập chứng cứ. BLTTDS năm 2015 quy định “Thẩm phán chỉ tiến hành lấy lời khai của đương sự khi đương sự chưa có bản khai hoặc nội dung bản khai chưa đầy đủ, rõ ràng” (Điều 98), “... khi xét thấy cần thiết, thẩm phán tiến hành lấy lời khai của người làm chứng...” (Điều 99), “... khi xét thấy có mâu thuẫn trong lời khai của các đương sự, người làm chứng, thẩm phán tiến hành đối chất...” (Điều 100), “... khi xét thấy cần thiết, thẩm phán tiến hành việc xem xét, thẩm định tại chỗ...” (Điều

101)... Trường hợp này được coi là trách nhiệm của tòa án trong việc thu thập chứng cứ trong trường hợp các bên đương sự không thu thập, cung cấp hoặc không thể thu thập được và cũng không có yêu cầu tòa án thu thập chứng cứ. Việc không thực hiện trách nhiệm thu thập chứng cứ để đảm bảo việc giải quyết vụ án được đúng đắn được coi là một căn cứ để bản án bị hủy.

Ví dụ trong vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giữa ông N1, N2, N3, N4, N5 với ông P³. Trong vụ án, các nguyên đơn tranh chấp với bị đơn quyền sử dụng đất thuộc thửa 167, tờ bản đồ số 21 do anh Châu Quốc P đứng tên GCNQSDĐ; các nguyên đơn có yêu cầu hủy GCNQSDĐ do anh P đứng tên tại thửa đất và tờ bản đồ này. Hồ sơ vụ án không thể hiện có giấy tờ gì chứng minh ông Nguyễn Ngọc T2 nhận chuyển nhượng phần đất tranh chấp từ Ban Chỉ huy Thanh niên xung phong tỉnh nhượng lại ngày 30/4/1990. Xét thấy hồ sơ cấp quyền sử dụng đất của ông Châu Khắc P1 khi kê khai, đăng ký về nguồn gốc đất có nhiều mâu thuẫn như trên đã nêu và mâu thuẫn chính lời trình bày của anh Châu Quốc P, nhưng chưa được Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm chứng minh làm rõ. Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bên nguyên đơn trong khi nhiều chứng cứ chưa được chứng minh làm rõ là chưa có căn cứ vững chắc, do đó, bản án đã bị hủy do tòa án chưa thu thập đầy đủ chứng cứ làm cơ sở giải quyết vụ án.

Ngày 22/7/2024, Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2024 được thông qua với quy định về thu thập chứng cứ của tòa án nhân dân. Liên quan đến hoạt động thu thập chứng cứ, bên cạnh việc hướng dẫn cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan thu thập, giao nộp tài liệu, chứng cứ (khoản 2 Điều 15) thì *“Tòa án hỗ trợ thu thập tài liệu, chứng cứ bằng việc yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp tài liệu, chứng cứ trong vụ án hành chính, vụ việc dân sự và các vụ việc khác theo quy định của pháp luật trong trường hợp các bên đã thực hiện các biện pháp cần thiết nhưng không thu thập được tài liệu,*

chứng cứ và đề nghị Tòa án hỗ trợ” (khoản 4 Điều 15 Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2024).

Với quy định trên, việc thu thập chứng cứ của tòa án vẫn được thực hiện nhằm đảm bảo hiệu quả của hoạt động tố tụng, tuy nhiên, căn cứ thu thập, trách nhiệm của tòa án trong việc thu thập chứng cứ đã có những thay đổi nhất định. Việc thu thập chứng cứ của tòa án chỉ dựa trên yêu cầu của đương sự, trong trường hợp đương sự không có yêu cầu thì *“Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan cung cấp, các bên giao nộp, làm rõ tại phiên tòa, phiên họp theo quy định của pháp luật và kết quả tranh tụng để xét xử, giải quyết vụ án, vụ việc.”* (khoản 7 Điều 15 Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2024). Thu thập chứng cứ không còn là nghĩa vụ của tòa án, do đó, trong trường hợp tòa án không chủ động thu thập chứng cứ mà chỉ dựa trên các chứng cứ chưa đầy đủ thì cũng không được coi là căn cứ để hủy bản án đã có hiệu lực pháp luật.

Cho đến nay, các văn bản quy phạm pháp luật về giải quyết tranh chấp dân sự đều xác định thu thập chứng cứ thuộc thẩm quyền và nghĩa vụ của tòa án nhằm đảm bảo mục đích tìm kiếm sự thật khách quan, giải quyết đúng đắn tranh chấp dân sự. Tuy nhiên, để phù hợp với các yêu cầu cải cách tư pháp trong xây dựng nhà nước pháp quyền ở Việt Nam hiện nay, cùng với việc ban hành Luật Tổ chức tòa án nhân dân năm 2024 có hiệu lực từ ngày 01/01/2025, thu thập chứng cứ không còn là nghĩa vụ của tòa án. Điều đó cũng đặt ra vấn đề cần sửa đổi Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 trong thời gian tới để đảm bảo tính thống nhất của pháp luật tố tụng.

Thứ nhất, do tòa án không có nghĩa vụ thu thập tài liệu, chứng cứ nên các quy định có liên quan cần phải sửa đổi. Cụ thể *“... hoặc khi xét thấy cần thiết, thẩm phán tiến hành lấy lời khai của người làm chứng...”* (Điều 99), *“... hoặc khi xét thấy có mâu thuẫn trong lời khai của các đương sự, người làm chứng, thẩm phán tiến hành đối chất...”* (Điều 100), *“... hoặc khi xét thấy cần thiết, thẩm phán tiến hành việc xem xét, thẩm định tại chỗ...”* (Điều 101), *“...*

hoặc khi xét thấy cần thiết, tòa án ra quyết định yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân đang quản lý, lưu giữ cung cấp tài liệu, chứng cứ cho tòa án” cần bổ cụm từ “khi xét thấy cần thiết” để đảm bảo các biện pháp này chỉ được thực hiện khi có yêu cầu hỗ trợ thu thập chứng cứ từ các đương sự.

Thứ hai, khoản 3 Điều 97 “Khi tiến hành các

biện pháp quy định tại điểm c, d, đ, e và g khoản 2 Điều này, tòa án phải ra quyết định, trong đó nêu rõ lý do và yêu cầu của tòa án” cần sửa thành “Khi tiến hành các biện pháp quy định tại điểm c, d, đ, e và g khoản 2 Điều này, tòa án phải ra quyết định, trong đó nêu rõ lý do và yêu cầu được tòa án chấp nhận thực hiện” ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO VÀ TRÍCH DẪN:

¹Viện Ngôn ngữ học (2003), Từ điển Tiếng Việt, Hoàng Phê, Nxb. Đà Nẵng - Trung tâm Từ điển học, Hà Nội - Đà Nẵng, tr. 958.

²Viện Ngôn ngữ học (2003), Từ điển Tiếng Việt, Hoàng Phê, Nxb. Đà Nẵng - Trung tâm Từ điển học, Hà Nội - Đà Nẵng, tr.186.

³Tòa án nhân dân cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh (2023). Quyết định giám đốc thẩm số 145/2023/DS-GĐT

Ngày nhận bài: 15/8/2024

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 4/9/2024

Ngày chấp nhận đăng bài: 16/9/2024

Thông tin tác giả:

TS. NGUYỄN THỊ THU THỦY

Viện Nhà nước và Pháp luật

EVIDENCE COLLECTION BY COURTS IN CIVIL CASES AND SOME CHALLENGES

● Ph.D NGUYEN THI THU THUY

Institute of State and Law

ABSTRACT:

The process of evidence collection by courts in civil cases is governed by the 2015 Civil Procedure Code and the 2014 Law on Court Organization (amended and supplemented in 2024). This study examined the practical application of these legal provisions in evidence collection, identifying key challenges and limitations in current practices. Based on this analysis, the study offered recommendations to enhance the legal framework, aiming to improve the effectiveness and fairness of evidence collection in civil proceedings.

Keywords: civil litigation, dispute resolution, evidence collection, people's court.